

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2019/HS-ST

Ngày: 31-10-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Thịnh**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Đinh Tuấn Đạt** và ông **Trịnh Ngọc Thành**

- Thư ký phiên tòa: Bà **L Thị Chuyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Hữu Huỳnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ L số 116/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị L1 (Tên gọi khác: L1 đô), sinh năm 1962, tại Đồng Nai

Nơi cư trú: Ấp C, xã B, huyện P, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Đ (chết) và bà Lê Thị S, sinh năm 1922; anh chị em: có 12 người, bị cáo là con thứ năm; có chồng là Hoàng Văn C, sinh năm 1958; có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1986; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/5/2019 đến ngày 23/5/2019, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/5/2019 đến ngày 30/7/2019, hiện nay bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. Nguyễn Thị L2, sinh năm 1960, tại Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Ấp T, xã L, huyện P, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Bán vé số; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Thanh Q (đã chết) và bà Võ Thị H (đã chết); anh chị em: có 02 người, bị cáo là con thứ hai; có chồng là

Nguyễn Hồng T (đã chết), có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 1996; tiền án: Không; tiền sự: Không. bị cáo tại ngoại (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã X, huyện P, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã X, huyện P, tỉnh Đồng Nai.

Người làm chứng:

Chị Nguyễn Thị Hồng Ph, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện P, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 15 phút ngày 20/5/2019, tại địa chỉ Tổ 2, ấp M, xã L, huyện P, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phú phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Thị L2, Đỗ Thị L, Nguyễn Thị V về hành vi đánh bạc trái phép được thua dưới hình thức ghi số lô, đề.

Tang vật thu giữ gồm:

Thu giữ của Nguyễn Thị L2 số tiền 8.070.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Masstel màu trắng và 10 tờ phôi đề;

Thu giữ của Nguyễn Thị V số tiền 4.105.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu trắng và 10 tờ phôi đề;

Thu giữ của Đỗ Thị L số tiền 6.032.000 đồng; 01 điện thoại di động Nokia màu đen và 05 tờ phôi đề.

Quá trình điều tra các bà L2, V, L khai nhận làm nghề bán vé số, ngoài ra còn nhận ghi lô, đề cho những người chơi có nhu cầu, cách thức là ghi trực tiếp hoặc gọi qua số điện thoại của các bà. Đến 16 giờ hàng ngày thì tổng hợp lại và giao các tờ phôi cho Nguyễn Thị L1 (L1 đô), ngụ ở ấp C, xã B, huyện P để nhận tiền hoa hồng.

Cơ quan cảnh sát điều tra tiến hành kiểm tra nơi ở của Nguyễn Thị L1 (L1 đô) thu giữ gồm: 08 tờ phôi ghi ngày 18/5/2019; 09 tờ phôi ghi ngày 19/5/2019; 05 tờ phôi ghi ngày 20/5/2019; số tiền 9.450.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu vàng bạc; 01 máy tính nhãn hiệu Casino.

Quá trình điều tra xác định được Nguyễn Thị L1 (L1 đô) bắt đầu đánh bạc trái phép dưới hình thức ghi số lô, đề từ cuối tháng 4/2019 và nhận lô, đề từ những người chơi thông qua các tờ phôi của Nguyễn Thị L2, Đỗ Thị L, Nguyễn Thị V.

Hàng ngày Nguyễn Thị L1 (L1 đô) căn cứ vào kết quả mở thưởng của các công ty xổ số kiến thiết miền Nam như Thành phố Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Tây Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Dương và xổ số kiến thiết Miền Bắc để đối chiếu kết quả thắng thua với người chơi lô, đề.

Hình thức đánh lô, đề được thực hiện như sau: Đánh đầu - đuôi là người chơi chọn 02 con số từ 00 đến 99, đối chiếu với giải 8 là đầu, 02 số cuối của giải đặc biệt là đuôi; nếu kết quả mở thưởng trùng với con số người chơi ghi là thắng và ngược lại là thua. Tỷ lệ ăn cược là bao lô 02 số thì 1.000đ ăn 70.000 đồng;

Đánh xi chủ: Người chơi chọn 03 con số từ 000 đến 999 đối chiếu với ba con số cuối ở giải 07 và 03 con số cuối giải đặc biệt, nếu kết quả mở thưởng trùng với con số người chơi ghi là thắng và ngược lại là thua. Tỷ lệ ăn cược là 01 ăn 600 tức là 1.000 đồng ăn 600.000 đồng; đánh bao lô số đá 02, 03 số là người chơi chọn mua hai, ba cặp số rồi đối chiếu với tất cả 02, 03 chữ số cuối của kết quả mở thưởng, nếu trùng với số của người chơi mua thì thắng, ngược lại là thua, tỷ lệ ăn cược số số đá 02 số là 1.000 đồng ăn 700.000 đồng; số đá 03 số thì 1.000 đồng ăn 2.100 đồng; số đá 04 số thì 1.000 đồng ăn 2.800 đồng.

Quá trình điều tra xác minh làm rõ được số tiền sẽ được sử dụng vào mục đích đánh bạc như sau: Nguyễn Thị L1 (L1 đô) số tiền đánh bạc các ngày 18,19,20/5/2019 lần lượt là 21.358.000 đồng; 33.314.000 đồng; 143.994.999 đồng.

Nguyễn Thị L2 số tiền đánh bạc các ngày 17,18,19 và 20/5/2019 lần lượt là 18.731.000 đồng; 14.065.000 đồng; 9.225.000 đồng; 5.265.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 106/CT-VKS-TP ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, truy tố các bị cáo Nguyễn Thị L1 (L1 đô), về tội: “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Thị L2 về tội: “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú phân tích dấu hiệu phạm tội, đánh giá các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của các bị cáo giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo L1 (L1 đô), đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 03 (ba) đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù;

Áp dụng điểm s, x khoản 1, Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35; khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo L2, đề nghị xử phạt bị cáo từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng

Về xử lý vật chứng: Căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, các bị cáo thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ý kiến:

Ý kiến của Nguyễn Thị V như sau: Bà làm nghề bán vé số dạo và có nhận ghi thêm số đề cho một số người có nhu cầu, sau đó đến 16 giờ hàng ngày thì tổng hợp các tờ phoi lại và giao cho Nguyễn Thị L1 (L1 đô) để nhận hoa hồng và được L1 Đô trích lại 10% số tiền ghi được trên các tờ phoi, ngày 20/5/2019 bị cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Tân Phú bắt quả tang. Mỗi ngày bà nhận ghi lô, đề được khoảng 1.000.000 đồng.

Ý kiến của Đỗ Thị L như sau: Công việc của bà là bán vé số và nhận ghi số đề của những ai có nhu cầu rồi tổng hợp các tờ phoi lại giao cho Nguyễn Thị L1 (L1 đô) để nhận hoa hồng, được L1 Đô trích lại 10% đến 30% số tiền ghi được trên các tờ phoi, đến ngày 20/5/2019 thì bị bắt quả tang.

Các bị cáo nói lời sau cùng như sau: Các bị cáo biết hành vi của mình là hành vi trái pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo, để có cơ hội sửa chữa sai lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Phú, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Từ lời khai nhận tội của các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, Hội đồng xét xử xác định được hành vi của các bị cáo thực hiện như sau: Từ ngày 18/5/2019 đến ngày 20/5/2019 Nguyễn Thị L1 (L1 Đô), đã có hành vi đánh bạc trái phép được ăn thua bằng tiền dưới hình thức ghi số lô, đề số tiền dùng vào mục đích đánh bạc cụ thể như sau:

Ngày 18/5/2019, số tiền dùng vào việc đánh bạc là 33.386.000 đồng; ngày 19/5/2019 là 143.980.000 đồng; ngày 20/5/2019 là 21.358.000 đồng. Như vậy, Nguyễn Thị L1 (L1 đô) đánh bạc dưới hình thức ghi số lô, đề 03 (ba) lần.

Từ ngày 17/5/2019 đến ngày 20/5/2019 Nguyễn Thị L2 có hành vi đánh bạc dưới hình thức ghi số đề, số tiền dùng vào việc đánh bạc như sau:

Ngày 17/5/2019 số tiền là 18.731.000 đồng; ngày 18/5/2019 số tiền là 14.065.000 đồng; ngày 19/5/2019, số tiền là 11.795.000 đồng; ngày 20/5/2019 số tiền là 5.265.000 đồng. Nguyễn Thị L2 đánh bạc dưới hình thức ghi số lô, đề 04 (bốn) lần.

Lời khai nhận tội của các bị cáo trên đây là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án.

Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định, hành vi của bị cáo Nguyễn Thị L1 (L1 Đồ) có ba lần đánh bạc trong đó có một lần thực hiện hành vi đánh bạc trái phép số tiền 143.000.000 đồng vào ngày 19/5/2019, đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Đánh bạc”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Điều 321, khoản 2, điểm b quy định:

“Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

...b) Tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc trị giá 50.000.000 đồng trở lên”.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị L2 đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Đánh bạc”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, Cáo trạng số 106/CT-VKS-TP ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú, truy tố các bị cáo về tội danh và khung hình phạt như trên là đúng người, đúng tội, không oan sai cho các bị cáo.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ vụ lợi vẫn cố tình thực hiện. Do đó, để giáo dục các bị cáo tuân thủ pháp luật, đồng thời đấu tranh phòng ngừa chung cho xã hội, cần có mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét toàn diện về nhân thân, vai trò, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

[4] Về tính chất đồng phạm: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, xét về tính chất, vai trò tham gia của các bị cáo thì hành vi của Nguyễn Thị L1 (L1 đồ) thực hiện là người thực hành; hành vi của Nguyễn Thị L2 là người giúp sức.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần được áp dụng cho các bị cáo.

Ngoài ra Nguyễn Thị L2 còn có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là gia đình có công với cách mạng, bố là Liệt sỹ và được tặng huân chương chiến sỹ giải phóng, được quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cần được áp dụng cho bị cáo.

[7] Về căn cứ quyết định hình phạt: Bị cáo Nguyễn Thị L1 (L1 đô) thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người thực hành tích cực, phạm tội nhiều lần, số tiền dùng vào việc đánh bạc là rất lớn. Do đó, cần có mức hình phạt đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Bị cáo Nguyễn Thị L2 thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người giúp sức tích cực, tuy nhiên, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trong đó có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 35 Bộ luật hình sự áp dụng hình phạt chính là phạt tiền, không cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội, có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ bị cáo Nguyễn Thị L1 (L1 Đô) có nghề nghiệp và thu nhập không ổn định; bị cáo Nguyễn Thị L2 đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền. Do đó, Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

[6] Các biện pháp tư pháp:

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 8.070.000đ, dùng vào mục đích đánh bạc của Nguyễn Thị L2; tịch thu phát mãi sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Oppo; 01 điện thoại di động hiệu Masstel màu đen; 01 máy tính hiệu Casio vì đây là công cụ, phương tiện phạm tội.

Tịch thu số tiền 3.034.000đ của Nguyễn Thị L2; số tiền 269.000đ của Đỗ Thị L, vì đây là số tiền thu lợi bất chính từ việc đánh bạc theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với số tiền 9.450.000đ là tài sản hợp pháp của Nguyễn Thị L1 (L1 đô) không liên quan đến việc phạm tội, do đó áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại số tiền này cho Nguyễn Thị L1 (L1 đô).

[7] Về các vấn đề khác:

Đối với Nguyễn Thị V, Đỗ Thị L có hành vi đánh bạc trái phép nhưng số tiền dùng vào việc đánh bạc dưới 5.000.000 đồng và không có tiền án, tiền sự nên không đủ cơ sở để truy tố V, L. Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Tân Phú đã ra quyết định xử phạt hành chính tịch thu số tiền là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu trắng và số tiền 1.922.000 đồng của Nguyễn Thị V; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số tiền 4.189.000 đồng của Đỗ Thị L là phương tiện để liên lạc ghi số lô, đề Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Tân Phú đã ra quyết định xử phạt hành chính tịch thu là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với những người có tên Hằng, Úc, Úc Bao, Xe, Rơi, Thọ, Loan, Gái, Giang, Còn, Thảo được ghi trên các tờ phôi thu giữ của Nguyễn Thị L1 (L1 đô) hiện chưa xác định rõ nhân thân lai lịch nên chưa làm việc được, tiếp tục giao cơ quan có thẩm quyền điều tra khi nào làm rõ xử L sau.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đưa ra về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và mức hình phạt của các bị cáo là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, đối với bị cáo Nguyễn Thị L1 (L1 đô);

- Khoản 1 Điều 321; Điều 35; điểm s, x khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, đối với bị cáo Nguyễn Thị L2.

- Điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015;

- Điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị L1 (L1 Đô); Nguyễn Thị L2 phạm tội: “Đánh bạc”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L1 (L1 Đô) **03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án. Được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 20/5/2019 đến ngày 23/5/2019.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L2 **50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng** .

2. Về xử L vật chứng:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 8.070.000đ (Tám triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003435 ngày 02/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu gold bạc; 01 điện thoại di động hiệu Masstel màu đen; 01 máy tính hiệu Casio vì đây là công cụ, phương tiện phạm tội.

(Toàn bộ vật chứng nêu trên hiện được tạm giữ tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 30/9/2019 giữa Chi cục Thi hành án dân sự và Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Phú).

Buộc bị cáo Nguyễn Thị L2 nộp số tiền 3.034.000 đồng; Đỗ Thị L giao nộp số tiền 269.000 đồng thu lợi bất chính sung công quỹ nhà nước.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị L1 (L1 đồ) số tiền 9.450.000đ (Chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) vì không liên quan đến việc phạm tội. Số tiền nộp tại biên lai thu số 0003435 ngày 02/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Thị L1 (L1 Đồ), Nguyễn Thị L2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

2. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Nguyễn Thị L1 (L1 Đồ); Nguyễn Thị L2; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú;
- CQCSĐT Công an huyện Tân Phú;
- CQ THA hình sự Công an huyện Tân Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Thịnh

